



BÀ RI - VŨNG TÀU

バーリア・ブントウ



**ĐỘT PHÁ MỚI - CƠ HỘI MỚI
GIÁ TRỊ MỚI**

新たな突破・— 新たな機会・新たな価値

MỤC LỤC

1. Lời ngỏ	4
2. Tiềm năng, thế mạnh của tỉnh BR-VT trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam	6
3. Bốn trụ cột kinh tế hiện nay của BR-VT	8
4. Bà Rịa - Vũng Tàu: Nguồn lực mạnh cho phát triển kinh tế.....	10
5. Những lĩnh vực công nghiệp nổi bật hiện nay	12
6. Định hướng không gian công nghiệp theo quy hoạch tỉnh BR-VT giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.....	14, 15
7. Quy hoạch các khu công nghiệp đến năm 2030.....	21, 22
8. Quy hoạch các cụm công nghiệp đến năm 2030	24
9. Thông tin ưu đãi	30
10. Thông tin liên hệ.....	32

目次

初めに	5
南部の重点経済地域におけるバリア・ ブンタウ省の潜在力と強み	7
バリア・ブンタウの現在の4つの経済の柱	9
バリア・ブンタウ：経済発展のための強力な資	11
現在の主要産業分野	13
2021 - 2030 年のバリア・ブンタウ省の計画および2050 年までのビジョンに基づく産業空間の方向性	16, 17
2030 年までの各工業団地の計画	23, 24
2030年までの産業クラスターの計画	25
優遇情報	31
連絡先情報.....	32

Lời ngỏ

Bà Rịa - Vũng Tàu là vùng đất có nhiều tiềm năng và lợi thế để phát triển kinh tế, đặc biệt là kinh tế biển. Những thế mạnh đặc biệt như nguồn tài nguyên dầu và khí, cảng nước sâu, bờ biển đẹp và khí hậu ôn hòa, đã giúp Bà Rịa - Vũng Tàu phát triển kinh tế bền vững, là một tỉnh năng động nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị về “Phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” đặt ra nhiệm vụ phát triển tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thành Trung tâm Kinh tế biển Quốc gia.

Ngành công nghiệp, trụ cột quan trọng nhất trong 4 trụ cột kinh tế của tỉnh, đã và sẽ tiếp tục khẳng định vị thế của mình, góp phần tăng trưởng giá trị kinh tế của tỉnh, luôn mở ra những cơ hội mới để các nhà đầu tư đến với Bà Rịa - Vũng Tàu tìm ra những giá trị mới.

Năm 2024, Bà Rịa - Vũng Tàu triển khai quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 xác định Bà Rịa - Vũng Tàu sẽ là một cực tăng trưởng quan trọng của quốc gia, với phương châm: “Đột phá mới - Cơ hội mới - Giá trị mới”. Cùng với lợi thế sẵn có, đồng thời với việc đẩy mạnh cải cách môi trường đầu tư, kinh doanh, Bà Rịa - Vũng Tàu đã và đang là điểm đến đầy tiềm năng trong bản đồ thu hút đầu tư của cả nước. Chủ trương của tỉnh là phát triển mạnh kinh tế biển, tập trung thu hút các tổ hợp quy mô lớn theo 4 nhóm ngành kinh tế trụ cột mới giai đoạn 2026 - 2030 gồm: Công nghiệp, cảng biển logistics - du lịch - các ngành dịch vụ chất lượng cao. Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu luôn trân trọng và mời gọi các nhà đầu tư cùng đóng góp nguồn lực để xây dựng và phát triển Bà Rịa - Vũng Tàu ngày càng thịnh vượng.



はじめに

バリア・ブントウは特に海洋経済の発展において多くの潜在力と利点を持つ地域です。石油とガスの資源、深海港、美しい海岸線、温暖な気候といった特別な強みでバリア・ブントウの持続可能な経済発展でき南部の重点経済地域の中で活気に満ちた省となっています。「2030年までの南東部地域の社会経済発展および国防・安全保障の確保、2045年までのビジョン」についての政治省の2022年10月7日付第24号24-NQ/TW決議はBA RIA - VUNG TAU省を国家的な海洋経済の中心地になるように発展させる義務を付けました。

工業は県の4つの経済の柱の中で最も重要な柱でありその地位をこれまで以上に確立し続け、省の経済成長に貢献しています。また、バリア・ブントウに来られる投資家にとって新たな価値を見出すための新しい機会を常に提供しています。

2024年にバリア・ブントウは2021年から2030年の省の計画を実施し、2050年までのビジョンとしてバリア・ブントウが「新たな突破・-新たな機会・新たな価値」とう方針で国の重要な成長極となることを確定しました。既存の利点に加え、投資およびビジネス環境の改革を推進することでバリア・ブントウは全国の投資誘致マップで有望な目的地となっています。省の主張は海洋経済を強力に発展させ2026年から2030年の新たな4つの経済柱のグループに基づき、大規模な複合施設を集中的に誘致することです。これらのグループには工業、港湾物流、観光、高品質のサービス業が含まれます。バリア・ブントウ省は常に投資家を尊重し、共に資源を提供してバリア・ブントウのさらなる繁栄を築くよう招待しています。



TIỀM NĂNG BÀ RỊA - VŨNG TÀU TRONG VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM PHÍA NAM

Bà Rịa - Vũng Tàu nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, có địa thế thuận lợi, cách TP.HCM - trung tâm kinh tế lớn nhất Việt Nam 60 km về phía Tây, phía Bắc giáp tỉnh Đồng Nai, phía Đông giáp tỉnh Bình Thuận và phía Nam giáp với Biển Đông. Bà Rịa - Vũng Tàu có hệ thống giao thông kết nối tương lai hoàn hảo phục vụ cho nhu cầu vận chuyển hàng hóa và hành khách.

Cụm cảng Cái Mép Thị Vải của Bà Rịa - Vũng Tàu chỉ cách dự án sân bay quốc tế Long Thành 30 km, và cách sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất khoảng 62km.

Bà Rịa - Vũng Tàu đứng thứ 5 châu Á về khai thác dầu khí, có hơn 300 km đường ven biển trong đó hệ thống cầu cảng nước sâu dài gần 20km, độ sâu tự nhiên 14,5m, là 1 trong 20 khu cảng nước sâu lớn nhất thế giới.

南部の重点経済地域におけるBR-VT省の潜在力と強み

BA RIA - VUNG TAUは南部の経済重点地域に位置し地理的に恵まれています。ベトナム最大の経済中心地であるホーチミン市から西へ60 KM、北はドンナイ省、東はビントゥアン省、南は東海（南シナ海）に接しています。バリア - ブンタウは貨物および旅客輸送のニーズに対応するための完璧な交通システムを持っています。バリア - ブンタウのカイメップ・ティヴァイ港湾クラスターは、ロンタイン国際空港からわずか30 KM、タンソンニャット国際空港から約62 KMの距離にあります。バリア - ブンタウは石油・ガス採掘でアジア第5位に位置し300 KM以上の海岸線を持ち、その中で水深14.5 Mである約20 KMの深水港湾システムがあります。これは世界で20の最大の深水港湾の1つです。



Diện tích: 1.989 km² Dân số: Khoảng 1.188 ngàn người
Dân số trong độ tuổi lao động là 642.360 người
GRDP năm 2023: 366.456 tỷ đồng

面積: 1,989 KM² 人口: 約1,188
人労働年齢人口: 642,360人
2023年のGRDP: 366,456十億ドン

ĐẾN THÁNG 9 NĂM 2024, TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÓ:

● 489 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn đầu tư đăng ký: 33.448 triệu USD

+ Trong khu công nghiệp 315 dự án: 15.753 triệu USD

+ Ngoài khu công nghiệp 174 dự án: 17.695 triệu USD

● 697 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đầu tư đăng ký: 406.510 tỷ đồng

+ Trong khu công nghiệp 291 dự án: 190.951 tỷ đồng

+ Ngoài khu công nghiệp 406 dự án: 215.559 tỷ đồng

2024年9月時点で、バリア - ブンタウ省には以下のプロジェクトがあります:

● 外国投資プロジェクト: 489件、総登録投資額: 33,448百万USD

+ 工業団地内: 315件、総額: 15,753百万ドル

+ 工業団地外: 174件、総額: 17,695百万ドル

● 国内投資プロジェクト: 697件、総登録投資額: 406,510十億ドン

+ 工業団地内: 291件、総額: 190,951十億ドン

+ 工業団地外: 406件、総額: 215,559十億ドン



Cấp mới: 1.907 triệu USD

新規 1,907 百万 USD

Tăng thêm: 34.751 tỷ đồng

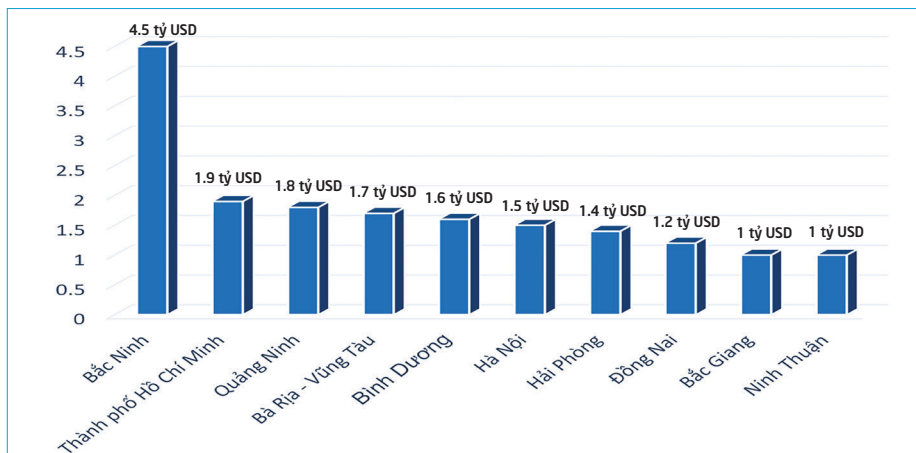
増資: 34,751 十億ドン

**TƯƠNG ĐƯƠNG
82.426 TỶ ĐỒNG**

82.426十億ドンに相当する

BẢNG XẾP HẠNG 10 TỈNH THÀNH THU HÚT ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CAO NHẤT CẢ NƯỚC TRONG 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

2024年の最初の9か月間における外国投資を最も多く引き付けた全国の10省市ランキング
4.5十億 USD



Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư. リソース: 外国投資局 - 計画投資省

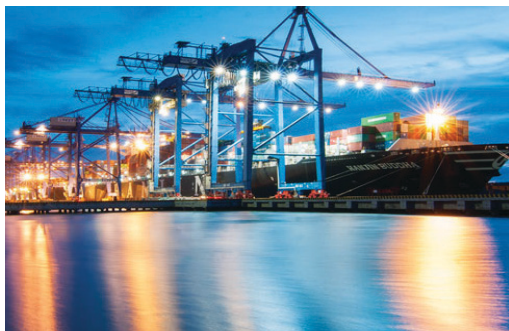
4 TRỤ CỘT KINH TẾ HIỆN NAY CỦA BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CÔNG NGHIỆP

Công nghiệp là trụ cột kinh tế chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng giá trị sản phẩm địa phương. Số dự án trong các KCN tính đến hết tháng 9/2024 là 606 dự án, bao gồm: Đầu tư trong nước: 291 dự án, vốn đầu tư 170.260 tỷ đồng và 1,018 tỷ USD. Đầu tư nước ngoài: 315 dự án, vốn đầu tư 15,753 tỷ USD. Ngành công nghiệp đã chuyển dịch cơ cấu nội ngành khá nhanh và theo hướng tích cực - giảm dần tỷ trọng những ngành dựa vào tài nguyên khoáng sản, tích cực xanh hóa phù hợp với xu thế chung của vùng Đông Nam Bộ và cả nước. Cơ cấu công nghiệp chế biến, chế tạo của tỉnh tăng khá mạnh. Điểm sáng của công nghiệp chế biến, chế tạo của tỉnh trong giai đoạn hiện nay là công nghiệp luyện kim tăng trưởng khá đến cao.



CẢNG BIỂN



Trên toàn tỉnh có 50 dự án cảng biển đang hoạt động, với vốn thực hiện khoảng 63.015 tỷ đồng; tổng chiều dài cầu bến cảng biển trên địa bàn tỉnh hiện đạt 17.181m, tổng công suất thiết kế là 160 triệu tấn/năm. Tỉnh đã tập trung chỉ đạo hoàn thành các Quy hoạch, đồ án tạo cơ sở pháp lý để phát triển cảng biển và dịch vụ hậu cần cảng như: Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 dự án Trung tâm logistics Cái Mép Hạ; đưa vào hoạt động Cảng cạn Phú Mỹ tại khu công nghiệp chuyên sâu Phú Mỹ 3 ngay sau hệ thống cảng Cái Mép - Thị Vải; Đồ án quy hoạch chung thị xã Phú Mỹ.

DU LỊCH

Tính đến tháng 9/2024, toàn tỉnh có 1.360 cơ sở lưu trú du lịch (22.533 phòng), trong đó 76 khách sạn đã được xếp hạng từ 1-5 sao (8.442 phòng). Cụ thể: 11 khách sạn 5 sao, 17 khách sạn 4 sao, 23 khách sạn 3 sao, 12 khách sạn 2 sao, 13 khách sạn 1 sao. Có 47 đơn vị lữ hành đang hoạt động, trong đó có 23 đơn vị lữ hành quốc tế, 24 đơn vị lữ hành nội địa. Toàn tỉnh có 167 thẻ hướng dẫn viên du lịch đang hoạt động, trong đó có 41 thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế. Toàn tỉnh có 132 dự án du lịch với tổng diện tích là 2.966 ha, tổng vốn đầu tư là 57.641 tỷ đồng và 8.927 triệu USD. Tổng số dự án đã đi vào hoạt động là 51 dự án, đang triển khai xây dựng là 36 dự án, đang làm thủ tục pháp lý 45 dự án.



NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO



Ngành nông nghiệp có sự chuyển biến tích cực theo hướng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tính đến tháng 9/2024, trên địa bàn tỉnh có 369 cơ sở sản xuất trồng trọt ứng dụng công nghệ cao, với quy mô diện tích 5.168 ha, diện tích đang sản xuất 5.164 ha, ước sản lượng cung cấp ra thị trường khoảng 98.406 tấn/năm. Có 141 trang trại hoạt động chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao. Có 23 cơ sở nuôi thủy sản thương phẩm và sản xuất giống thủy sản ứng dụng công nghệ cao với tổng diện tích khoảng 429,31 ha, tăng 17,15 ha so với cùng kỳ.

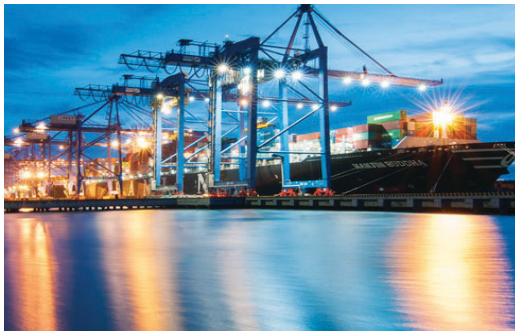
BR-VTの現在の4つの経済の柱

産業

産業は地方の総生産価値の中で最も大きな割合を占める経済の柱です。2024年9月末までの工業団地内のプロジェクト数は606件でその内訳は以下の通りです。国内投資：291件、投資額170.260十億ドンおよび1,018十億ドル。外国投資：315件、投資額15,753十億ドルおよび11,65十億ドン。産業はかなり迅速かつ積極的な方向に構造転換を進めており、鉱物資源に依存する業の割合を徐々に減少させ、東南部地域および全国の一般的な傾向に合わせて積極的にグリーン化を進めています。省の加工製造業の構造はかなり強く成長しています。現在の段階での省の加工製造業の明るい点は、冶金産業がかなり高い成長を遂げていることです。



海港



省全体で50の海港プロジェクトが進行しており、実施資金は約63.015十億ドンです。省内の海港栈橋の総長は17,181メートルで、設計総容量は年間1億6,000万トンです。省は、海港と港湾物流サービスの発展のための法的基盤を整えるために、以下の計画とプロジェクトの完了に集中して指導しています。カイメップハ物流センターの1/2,000分の1の建設区分計画、カイメップ・ティバイ港システムの直後のフーミー3専門工業団地内のフーミードライポートの稼働、フーミー市の総合計画プロジェクト。

旅行

2024年9月時点で全省には1,360の観光宿泊施設（22,533室）があり、その中76のホテルが1～5つ星に格付けされています（8,442室）。具体的には5つ星ホテルが11軒、4つ星ホテルが17軒、3つ星ホテルが23軒、2つ星ホテルが12軒、1つ星ホテルが13軒です。47の旅行会社が活動しており、そのうち23社が国際旅行会社、24社が国内旅行会社です。全省には167枚の観光ガイドカードがあり、そのうち41枚が国際観光ガイドカードです。全省には132の観光プロジェクトがあり、総面積は2,966ヘクタール、総投資額は57.641十億ドンおよび8,927百万ドルです。稼働中のプロジェクトは51件、建設中のプロジェクトは36件、法的手続きを進めているプロジェクトは45件です。



ハイテク



農業分野は高技術を応用した農業生産の方向に向かって積極的に変化しています。2024年9月時点で、省内には高技術を応用した作物生産施設が369か所あり、面積は5,168ヘクタール、生産中の面積は5,164ヘクタール、市場に供給される推定生産量は年間約98,406トンです。高技術を応用した畜産農場は141か所あります。高技術を応用した商業養殖および水産種苗生産施設は23か所あり、総面積は約429.31ヘクタールで、前年同期比で17.15ヘクタール増加しています。

BÀ RỊA - VŨNG TÀU: NGUỒN LỰC MẠNH CHO PHÁT TRIỂN KINH TẾ



HỆ THỐNG CẤP ĐIỆN

Bà Rịa - Vũng Tàu là một trong những trung tâm điện lực của cả nước. Tổng công suất nguồn phát điện toàn tỉnh đạt khoảng 4.913 MW, chiếm khoảng 7,08% tổng công suất nguồn điện quốc gia. Trên địa bàn hiện có khoảng 40,89km đường dây 500kV với 04 trạm biến áp công suất 2.904MVA. Khoảng 223,4 km đường dây 220kV với 06 trạm biến áp công suất 4.822MVA. Khoảng 373,5km đường dây 110kV với 56 trạm biến áp công suất 3.615MVA.

HỆ THỐNG CẤP NƯỚC

Trên địa bàn tỉnh hiện có 31 hồ chứa nước với tổng dung tích thiết kế hơn 300 triệu m³; trong đó, có 12 hồ được sử dụng dành cho mục đích cung cấp nước sinh hoạt. Có 09 nhà máy nước đang vận hành, với tổng công suất 160 nghìn m³/ngày đêm, cơ bản đủ đáp ứng nhu cầu sử dụng nước trong tỉnh.

HẠ TẦNG VIỄN THÔNG

Hạ tầng viễn thông của tỉnh xếp hạng 2/63 so với các tỉnh, thành phố trong cả nước, xếp thứ 1/6 so với các tỉnh, thành phố trong vùng Đông Nam bộ, nhiều chỉ tiêu hạ tầng đạt ở mức cao so với khu vực và cả nước (tỷ lệ điện thoại di động/100 dân, tỷ lệ người dùng Internet/100 dân, tỷ lệ băng rộng di động/100 dân, bán kính phủ sóng thông tin

di động), 99% dân số và 90% diện tích của tỉnh nằm trong vùng hạ tầng số. Bà Rịa - Vũng Tàu nằm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về mức độ chuyển.

HẠ TẦNG DỰ TRỮ XĂNG DẦU, KHÍ ĐỐT

Trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có: 07 kho xăng dầu quy mô 666.200m³; 02 kho LPG sức chứa 357.200 tấn; 02 kho LNG quy mô 400.000m³.

NGUỒN NHÂN LỰC

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 597.380 người, chiếm 51,06% dân số. Tổng số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp là 254.450 người. Trên địa bàn tỉnh có 42 cơ sở giáo dục nghề nghiệp: 05 trường cao đẳng, 06 trường trung cấp, 06 trung tâm giáo dục nghề nghiệp và 25 cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 81%; Tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 34%.

NĂNG LỰC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH

Chỉ số năng lực cạnh tranh - PCI năm 2023 của Bà Rịa - Vũng Tàu giữ vị trí thứ 6 trong tổng số 63 tỉnh thành. Như vậy trong 3 năm liên tiếp, Bà Rịa - Vũng Tàu nằm trong nhóm 10 tỉnh thành có năng lực điều hành tốt nhất trong cả nước. Chính quyền tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trong năm qua đã có nhiều nỗ lực thuận lợi hóa môi trường kinh doanh, chú trọng thu hút các dự án đầu tư chất lượng cao.

バーリア・ブントウ： 経済発展のための強力な資源



電力供給システム

バーリア・ブントウは全国の電力センターの一つであり、全省の総発電容量は約4,913MWで、国の総発電容量の約7.08%を占めています。現在、地域内には500KVの送電線が約40.89KMあり、4つの変電所の容量は2,904MVAです。220KVの送電線は約223.4KMで、6つの変電所の容量は4,822MVAです。110KVの送電線は約373.5KMで、56の変電所の容量は3,615MVAです。

水供給システム

省内には現在、総設計容量が3億立方メートルを超える31の貯水池があります。そのうち、12の貯水池が生活用水の供給に使用されています。9つの水処理プラントが稼働しており、総処理能力は1日あたり16万立方メートルで、基本的に省内の水需要を満たしています。

通信インフラ

省の通信インフラは全国63の省と都市の中で2位、東南部の6省と都市の中で1位にランクされています。多くのインフラ指標は地域および全国と比較して高い水準に達しています（100人あたりの携帯電話普及率、100人あたりのインターネット利用率、100人あたりのモバイルブロードバンド普及率、携帯通信のカバー半径）。省の99%の人口と90%の面積がデジタルインフラの範囲内にあります。

バーリア・ブントウ省は、全国でデジタルトランスフォーメーションの進捗度でトップ10に入る省の一つです。

石油・ガス備蓄インフラ

バーリア・ブントウ省には以下の施設があります：

規模666,200M³の石油貯蔵施設が7つ
容量357,200トンのLPG貯蔵施設が2つ
規模400,000M³のLNG貯蔵施設が2つ

人材リソース

15歳以上の労働力人口は597,380人で、総人口の51.06%を占めています。企業で働いている総労働者数は254,450人です。省内には42の職業教育施設があります：5つの短期大学、6つの中等専門学校、6つの職業教育センター、25の職業教育活動施設があります。教育を受けた労働者の割合は81%で、そのうち資格や証明書を持つ労働者の割合は34%です。

管理運営能力

2023年のバーリア・ブントウ省の競争力指数（PCI）は、全国63の省と都市の中で6位に位置しています。これにより、バーリア・ブントウ省は3年連続で全国で最も管理運営能力が高い10の省と都市の一つに入っています。バーリア・ブントウ省の政府は過去1年間でビジネス環境の改善に多くの努力を払い、高品質な投資プロジェクトの誘致に注力してきました。

NHỮNG LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP NỔI BẬT HIỆN NAY



Công nghiệp khai thác
dầu thô và khí đốt tự nhiên



Công nghiệp chế biến



Sản xuất nguyên vật liệu



Cơ khí chế tạo
và công nghiệp hỗ trợ



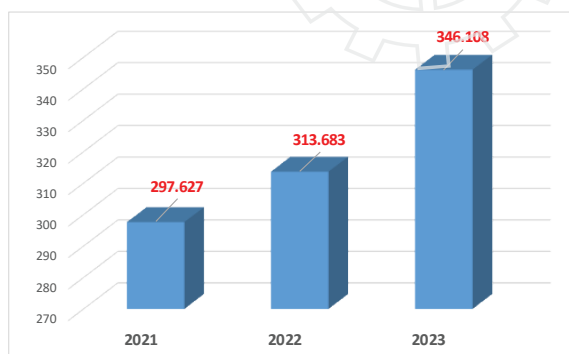
Hóa chất



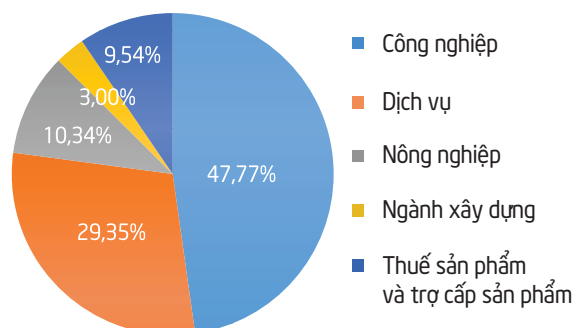
Dệt may

GIÁ TRỊ CÔNG NGHIỆP TĂNG TRƯỞNG HÀNG NĂM

Đơn vị tính: Tỷ đồng



GIÁ TRỊ CÁC NGÀNH KINH TẾ TRONG TỔNG GRDP 2023



現在の主要産業分野



原油および天然ガスの採掘産業



加工産業



原材料の生産



機械製造および支援産業



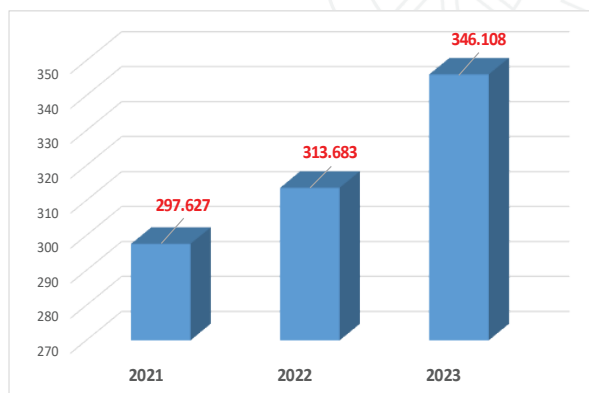
化学産業



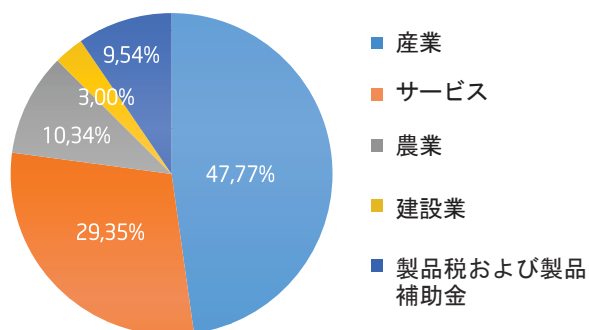
繊維・縫製産業

年間産業成長価値

計算単位: 十億ドン



2023年の総GRDPにおける各経済分野の価値



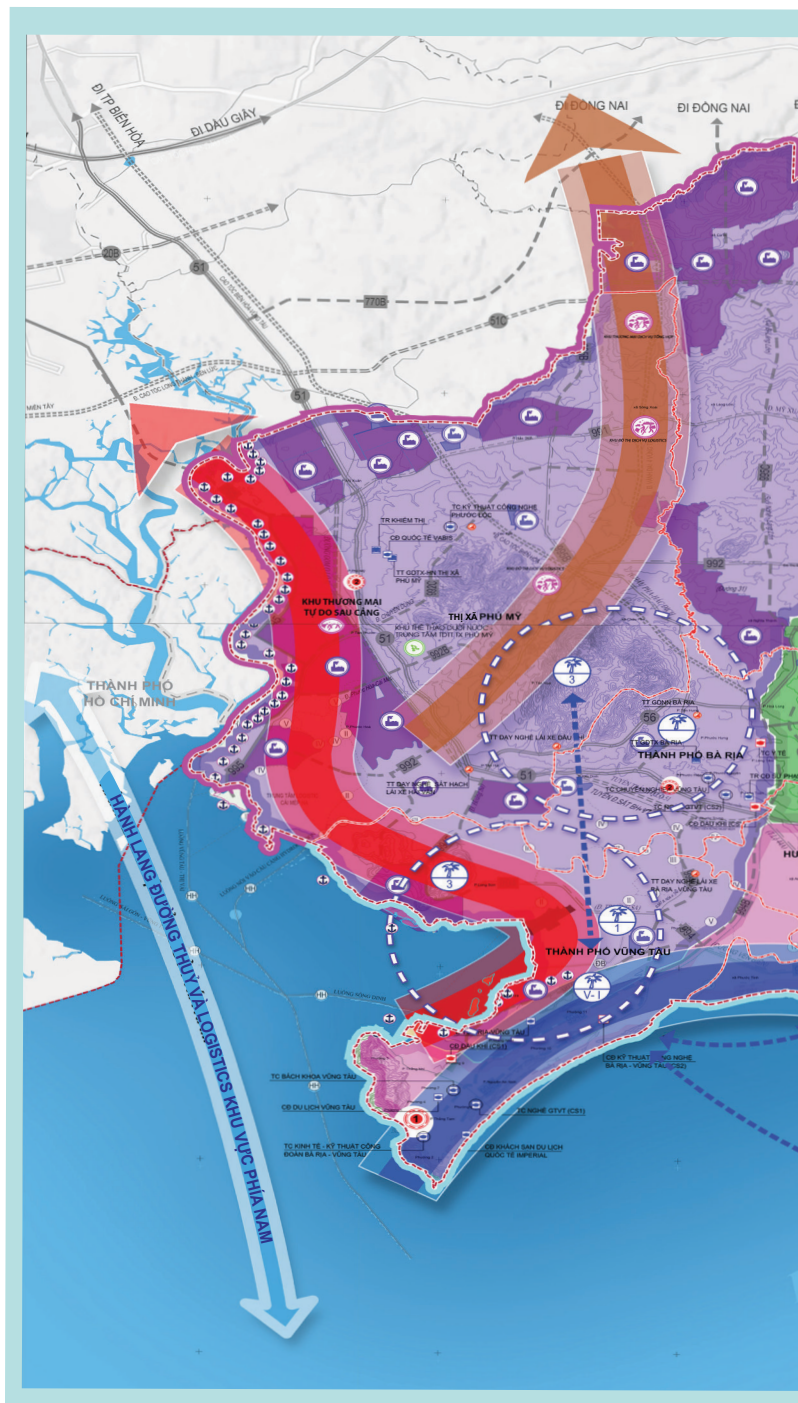
ĐỊNH HƯỚNG KHÔNG GIAN CÔNG NGHIỆP THEO QUY HOẠCH TỈNH

04 vùng chức năng

- Vùng chức năng công nghiệp - dịch vụ - đô thị - cảng biển
- Vùng chức năng du lịch và đô thị du lịch ven biển
- Vùng chức năng nông nghiệp và cân bằng sinh thái
- Vùng không gian biển và hải đảo.

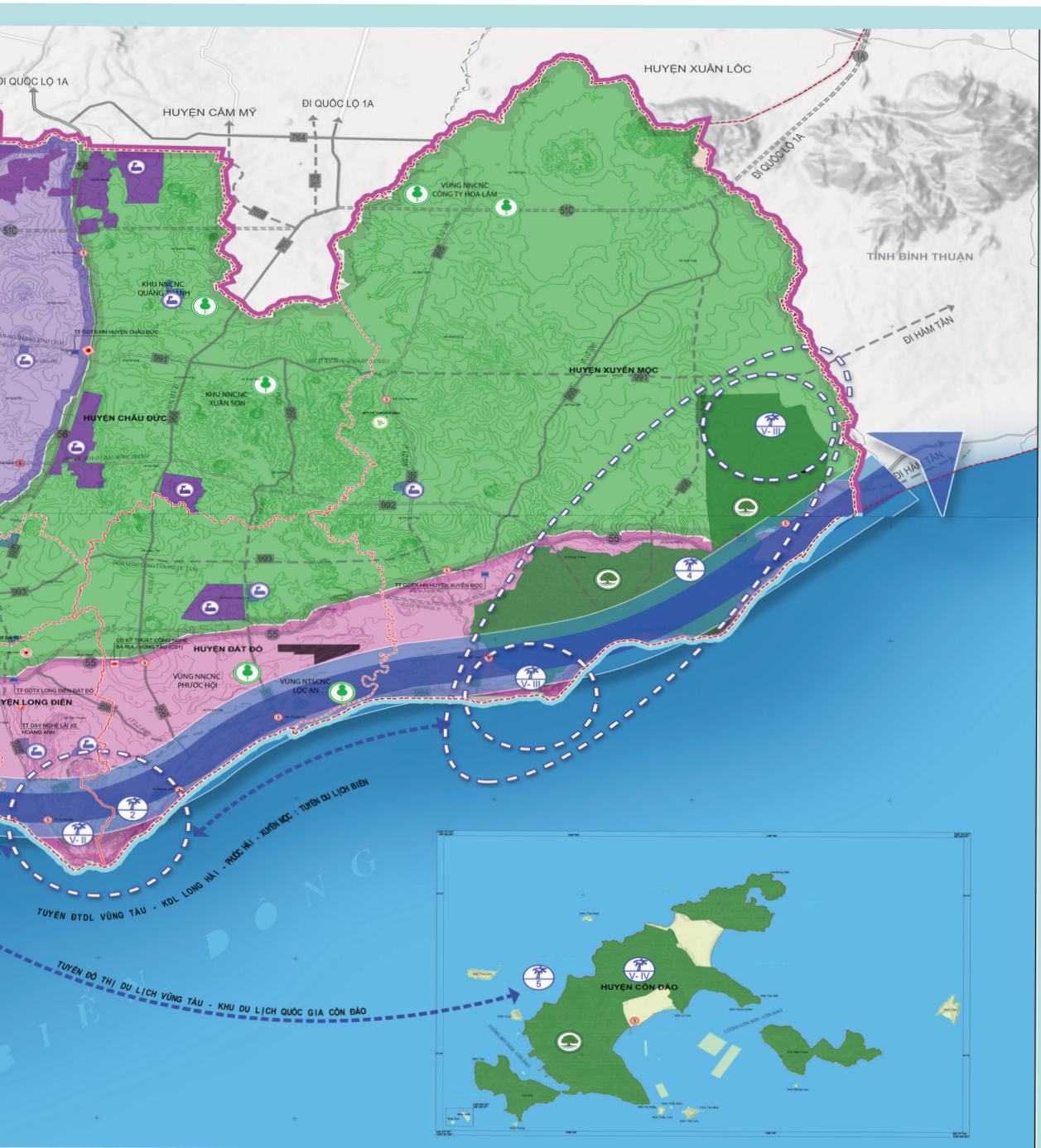
03 trục động lực phát triển

- Trục động lực phát triển dọc sông Thị Vải và Quốc lộ 51: Phát triển cảng biển, trung tâm logistics cảng biển, khu thương mại tự do, công nghiệp; các đô thị...
- Trục động lực phát triển mới dọc cao tốc Biên Hoà - Vũng Tàu và đường Vành đai 4: phát triển một số tổ hợp công nghiệp - dịch vụ - đô thị quy mô lớn; Các khu công nghiệp - công nghệ cao; đô thị mới và trung tâm logistics gần với cảng hàng không quốc tế Long Thành...
- Trục động lực phát triển du lịch ven biển, dọc đường ĐT994, trục kết nối cao tốc Biên Hoà - Vũng Tàu.



Tổ chức không gian vùng chức năng công nghiệp - cảng biển.

BR-VT GIAI ĐOẠN 2021 - 2030 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050



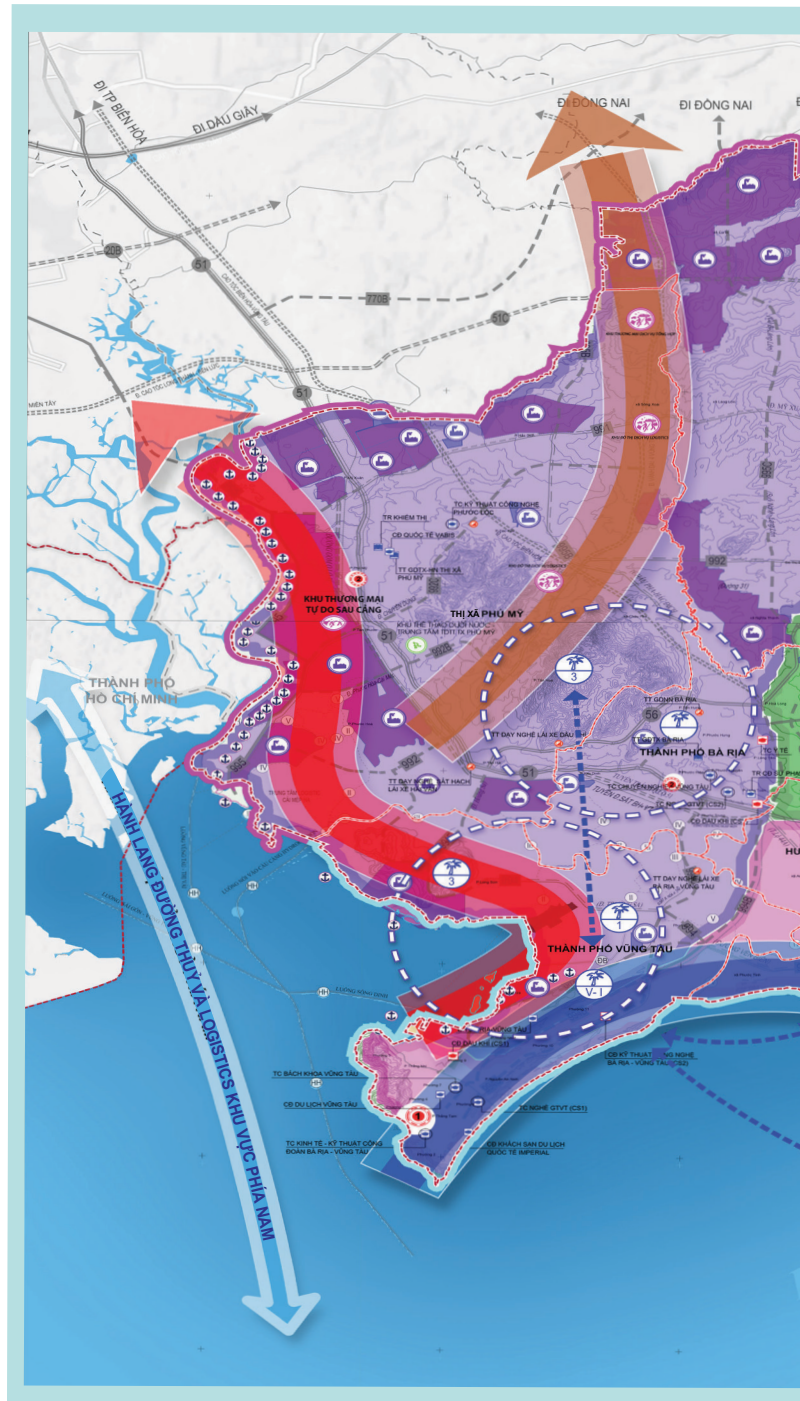
2021 – 2030 年のBR-VT省の計画および2050年までのビ

4つの機能領域

- 産業・サービス・都市・港湾機能領域
- 観光および沿岸観光都市機能領域
- 農業および生態バランス機能領域
- 海洋および島嶼空間領域

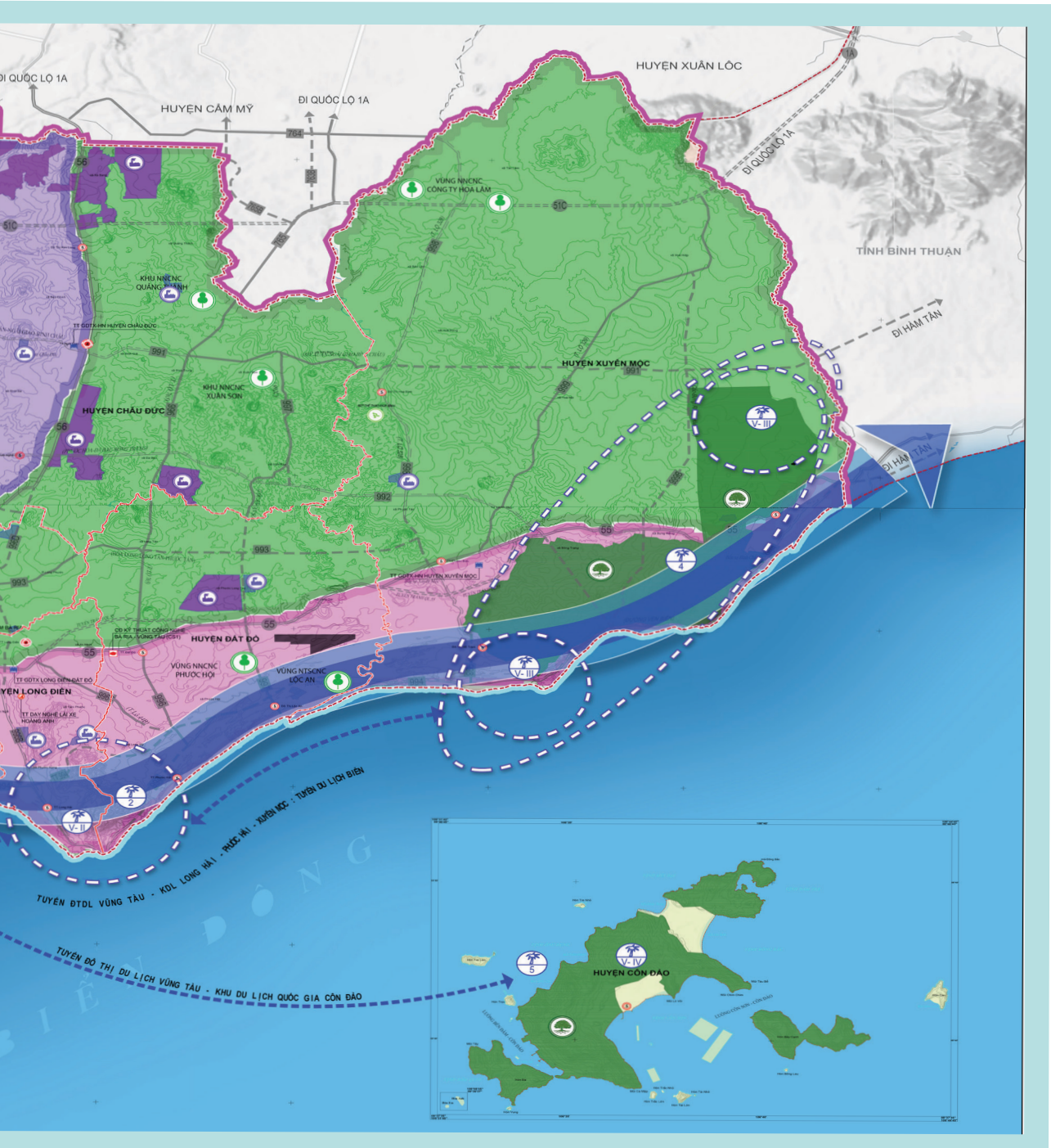
三つの発展推進軸

- シヴァイ川沿いと国道51沿いの発展推進軸：港湾の発展、港湾物流センター、自由貿易区、工業、都市などの発展
- ビエンホア - プンタウ高速道路と環状道路4号沿い発展推進軸：大規模な産業・サービス・都市複合体の発展、高度技術工業団地、新都市、ロンタイン国際空港に関連する物流センターなどの発展
- 沿岸観光発展推進軸、DT994号線沿い、ビエンホア - プンタウ高速道路と接続する軸



産業・港湾機能領域の空間組織

ジョンに基づく産業空間の方向性



4 TRỤ CỘT KINH TẾ GIAI ĐOẠN 2026-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050



Trụ cột 1: Phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo có công nghệ tiên tiến và công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp hóa dầu, hạ nguồn sau hóa dầu, năng lượng sạch. Phát triển các tổ hợp công nghiệp - dịch vụ - đô thị quy mô lớn tại thành phố mới Phú Mỹ, với hệ thống khu công nghiệp, khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ, trung tâm logistics đủ năng lực tham gia và liên kết chặt chẽ với vành đai công nghiệp, đô thị, dịch vụ, logistics của vùng Đông Nam Bộ.



Trụ cột 2: Phát triển, hiện đại hóa Cảng cửa ngõ quốc tế Cái Mép - Thị Vải thành cảng quốc tế trung chuyển lớn tầm cỡ khu vực Châu Á và quốc tế, gắn với hành lang kinh tế Mộc Bài - Thành phố Hồ Chí Minh - Biên Hòa - Vũng Tàu và hành lang kinh tế xuyên Á. Xây dựng khu thương mại tự do gắn với hệ thống cảng biển tại khu vực Cái Mép Hạ, hình thành hệ sinh thái công nghiệp - dịch vụ hoàn chỉnh. Xây dựng trung tâm Logistics Cái Mép Hạ đạt tầm quốc gia và quốc tế, hình thành mối liên kết chặt chẽ giữa hệ thống cảng biển quốc gia loại đặc biệt với Cảng hàng không quốc tế Long Thành.

Trụ cột 3: Phát triển du lịch tập trung tại khu vực ven biển phía Đông Nam và huyện Côn Đảo; hình thành trục động lực kinh tế du lịch ven biển. Phát triển chuỗi đô thị du lịch ven biển: Vũng Tàu, Long Hải, Phước Hải, Hồ Tràm, Bình Châu theo hướng đô thị xanh.



Trụ cột 4: Phát triển các ngành dịch vụ chất lượng cao, với hạ tầng và tiềm lực khoa học và công nghệ đồng bộ, hiện đại; cung cấp dịch vụ đào tạo nhân lực các ngành phục vụ phát triển các trụ cột kinh tế của tỉnh; dịch vụ y tế chăm sóc sức khỏe gắn với hoạt động du lịch; dịch vụ văn hóa, thể thao thi đấu giải trí chất lượng cao gắn kết với du lịch; các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm... đảm bảo phục vụ tốt cho yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Phát triển hạ tầng, dịch vụ thông tin và truyền thông đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, phục vụ tốt nhu cầu sản xuất và đời sống của người dân, doanh nghiệp.



2026-2030年の四つの経済の柱、2050年までのビジョン



柱1: 先進技術を有する加工・製造業と支援産業の発展; 石油化学産業、石油化学後の下流産業、クリーンエネルギー。フーミー新都市における大規模な産業・サービス・都市複合体の発展、工業団地、産業・都市・サービス地区、物流センターのシステムを備え、東南部地域の産業、都市、サービス、物流のベルトと緊密に連携する能力を持ちます



柱2: カイメップ・シヴァイ国際ゲートウェイ港の発展と近代化を進め、アジアおよび国際規模の大規模な国際中継港とし、モックバイ - ホーチミン市 - ビエンホア - ブンタウ経済回廊およびアジア横断経済回廊と連携させます。カイメップ・ハ地域の港湾システムと連携した自由貿易区を構築し、完全な産業・サービスエコシステムを形成します。カイメップ・ハの物流センターを国家および国際規模に発展させ、特別な国家港湾システムとロンタイン国際空港との緊密な連携を形成します。

柱3: 東南部沿岸地域とコンダオ県に集中した観光開発を進め、沿岸観光経済の推進軸を形成します。ブンタウ、ロンハイ、フオックハイ、ホーチヤム、ビンチャウなどの沿岸観光都市の連鎖を、グリーン都市の方向で発展させます。



柱4: 高品質なサービス産業の発展、統合された現代的なインフラと科学技術の能力を持ちます。省の経済の柱を発展させるための人材育成サービスの提供、観光活動と関連した医療・健康ケアサービスの提供、観光と結びついた高品質な文化、スポーツ、娯楽サービス、金融、銀行、保険などのサービスを提供し、省の経済・社会発展の要求に十分対応します。デジタルトランスフォーメーションの要求に応じたインフラ、情報通信サービスを発展させ、住民や企業の生産と生活のニーズに十分対応します。



QUY HOẠCH CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐẾN NĂM 2030

Tính đến nay tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã có 15 KCN được thành lập với tổng diện tích là 8.186,81ha. Trong đó có 13 KCN đã đi vào hoạt động với tổng diện tích 7.226,81ha. Tỷ lệ lấp đầy là 57,12% trên tổng số KCN và 63,48% trên 13 KCN đã đi vào hoạt động. Tổng diện tích đất còn lại để cho thuê của 15 KCN là 2.278,13 ha. Theo quy hoạch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, sẽ có 24 KCN và KCN - đô thị - dịch vụ với chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 là 16.052,66ha. Phấn đấu đến năm 2030 đạt tỷ lệ lấp đầy trên 80% diện tích đất công nghiệp. Những lĩnh vực thu hút đầu tư: Công nghiệp hóa dầu, hóa chất, cơ khí chế tạo, công nghiệp vật liệu, công nghệ cao, công nghiệp điện gió ngoài khơi...

CÁC KHU CÔNG NGHIỆP CHƯA LẤP ĐẦY



KHU CÔNG NGHIỆP ĐẤT ĐỎ I

Tỷ lệ lấp đầy: 34,97%
Diện tích: 496,22ha
DT còn lại: 214,97ha
www.tinnghiaphuongdong.com

Các dự án có công nghệ kỹ thuật cao, sử dụng ít lao động, không gây ô nhiễm môi trường... Đặc biệt ưu đãi: Công nghệ cao, công nghệ thông tin, công nghiệp hỗ trợ.



KHU CÔNG NGHIỆP MỸ XUÂN B1 TIẾN HÙNG

Tỷ lệ lấp đầy: 80%
Diện tích: 200ha
DT còn lại: 27,95ha

Công nghiệp chế biến; Dệt (không bao gồm công đoạn nhuộm); Cấu kiện kim loại. Sản xuất, gia công kim loại (không bao gồm gia công xi mạ); Sản xuất sản phẩm điện tử.



KHU CÔNG NGHIỆP CÁI MÉP

Tỷ lệ lấp đầy: 76,31%
Diện tích: 670,09ha
DT còn lại: 106,37ha
www.saiگونcons.com.vn

Công nghiệp chế biến; hóa chất, luyện kim và phục vụ công nghiệp nặng. Không tiếp nhận: Chế biến tinh bột sắn, chế biến mùn cưa, sản xuất hóa chất cơ bản (có phát sinh nước thải công nghiệp), nhuộm và thuộc da.



KHU CÔNG NGHIỆP CHUYÊN SÂU PHÚ MỸ 3

Tỷ lệ lấp đầy: 53,85%
Diện tích: 802,52ha
DT còn lại: 283,70ha
www.phumy3sip.com

Các ngành công nghiệp nặng; Các ngành công nghiệp hỗ trợ; Ngành dịch vụ cảng, hậu cần, logistics.



KHU CÔNG NGHIỆP CHÂU ĐỨC

Tỷ lệ lấp đầy: 45,27%
Diện tích: 1.556,14ha
DT còn lại: 606,89ha
www.sonadezichauduc.com.vn

Các dự án đa ngành, công nghiệp sạch, công nghệ cao, xây dựng nhà xưởng cho thuê, kho bãi, dịch vụ...



KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ MỸ 2 + PHÚ MỸ 2 MỞ RỘNG

Tỷ lệ lấp đầy: 62,86%
Diện tích: 1.021,47ha
DT còn lại: 268,11ha
www.idico.clm.vn

Logistics, bất động sản hậu cần, kho bãi, kho lạnh, xuất nhập khẩu, công nghiệp chế biến chế tạo...



KHU CÔNG NGHIỆP MỸ XUÂN B1 - ĐẠI DƯƠNG

Tỷ lệ lấp đầy: 45,68%
Diện tích: 145,7ha
DT còn lại: 50,19ha
www.daiduongcompany.com.vn

Các dự án đa ngành, công nghiệp sạch, Chế tạo, sửa chữa và lắp ráp cơ khí; Chế biến nông, lâm sản; Chế biến thực phẩm và đồ uống; Công nghiệp nhẹ; Lắp ráp điện tử, điện lạnh; Vật liệu xây dựng và các ngành khác không gây ô nhiễm...

CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐÃ CÓ TRONG DANH MỤC KHU CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM, ĐANG LÀM THỦ TỤC ĐẦU TƯ

KHU CÔNG NGHIỆP MỸ XUÂN B1 - CONAC MỞ RỘNG

Địa điểm: Thị xã Phú Mỹ
Diện tích: 110 ha
DT còn lại: 110 ha

KHU CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ LONG SƠN

Địa điểm: Thành phố Vũng Tàu
Diện tích: 850ha.
Phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất KCN
đến năm 2030: 850ha.

KHU CÔNG NGHIỆP VẠN THƯƠNG

Địa điểm: Thị xã Phú Mỹ.
Diện tích: 400 ha.
Phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất KCN
đến năm 2030: 400ha.

KHU CÔNG NGHIỆP ĐT-DV HD

Địa điểm: Thị xã Phú Mỹ.
Diện tích: 600 ha.
Phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất KCN
đến năm 2030: 450ha.

CÁC KHU CÔNG NGHIỆP MỚI THEO QUY HOẠCH

KHU CÔNG NGHIỆP ĐÔ THỊ - DỊCH VỤ BẮC CHÂU ĐỨC 1

Địa điểm: Huyện Châu Đức.
Diện tích: 1.200 ha.
Phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất KCN
đến năm 2030: 450ha.

KHU CÔNG NGHIỆP ĐÔ THỊ - DỊCH VỤ BẮC CHÂU ĐỨC 2

Địa điểm: Huyện Châu Đức.
Diện tích: 1000 ha.
Phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất KCN
đến năm 2030: 400ha.

KHU CÔNG NGHIỆP ĐÔ THỊ - DỊCH VỤ BẮC CHÂU ĐỨC 3

Địa điểm: Huyện Châu Đức.
Diện tích: 1000 ha.
Phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất KCN đến
năm 2030: 397,34ha.

KHU CÔNG NGHIỆP ĐÔ THỊ - DỊCH VỤ PHÚ MỸ

Địa điểm: TX. Phú Mỹ.
Diện tích: 650 ha.
Phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất KCN
đến năm 2030: 455ha.

CÁC KHU CÔNG NGHIỆP PHÁT TRIỂN SAU NĂM 2030 TẦM NHÌN ĐẾN 2050

KHU CÔNG NGHIỆP ĐÔ THỊ - DỊCH VỤ BẮC CHÂU ĐỨC 4

Địa điểm: Huyện Châu Đức.
Diện tích: 1.200 ha.

KHU CÔNG NGHIỆP ĐÔ THỊ - DỊCH VỤ BẮC CHÂU ĐỨC 5

Địa điểm: Huyện Châu Đức.
Diện tích: 1000 ha.

KHU CÔNG NGHIỆP ĐÔ THỊ DỊCH VỤ NAM CHÂU ĐỨC

Địa điểm: Huyện Châu Đức.
Diện tích: 800 ha.

2030年までの各工業団地の計画

現在までに、バリア・ブンタウ省には総面積8,186.81ヘクタールの15の工業団地が設立されています。また、そのうち、13の工業団地が稼働しており、総面積は7,226.81ヘクタールです。全工業団地の平均稼働率は57.12%、稼働中の13の工業団地の平均稼働率は63.48%です。15の工業団地で賃貸可能な残りの土地面積は2,278.13ヘクタールです。2021-2030年の計画期間、および2050年のビジョンに基づき、2030年までに24の工業団地および都市-サービス工業団地が設立され、土地利用目標は16,052.66ヘクタールとなります。2030年までに工業用地の稼働率を80%以上にするを目指しています。投資を引き付ける分野は石油化学、化学、機械製造、材料工業、ハイテクなどです。洋上風力発電産業

各未稼働の工業団地



ダットドーI工業団地

稼働率: 34.97%
面積: 496.22ヘクタール
残り面積: 214.97ヘクタール
www.tinghiaphuongdong.com



ミスアン B1 ティエンフン工業団地

稼働率: 80% 面積: 200ヘクタール
残り面積: 27.95ヘクタール



カイメップ工業団地

稼働率: 76.31%
面積: 670.09ヘクタール
残り面積: 106.37ヘクタール
www.saiگونcons.com.vn



フーミー 3 専門工業団地

稼働率: 53.85%
面積: 802.52ヘクタール
残り面積: 283.70ヘクタール
www.phumy3sip.com

高技術プロジェクト、労働力をあま 必要とせず、環境汚染を引き起こさないプロジェクトを推進しています。特に優遇される分野は、高技術、情報技術、支援産業です。

加工工業; 織物 (染色工程を含まない); 金属部品。金属の製造、加工 (めっき加工を含まない); 電子製品の製造。

加工工業; 化学、冶金および重工業の支援。受け入れられないもの: キャッサバ澱粉の加工、ゴムの加工、基本化学品の製造 (工業廃水が発生するもの)、染色および皮革加工

重工業; 支援産業; 港湾サービス、物流、ロジスティクス産業。



チャウドウツク 工業団地

稼働率: 45.27% 面積: 1,556.14ヘクタール 残り面積: 606.89ヘクタール
www.sonadezichauduc.com.vn



フーミー2工業団地 + フーミー2 拡張

稼働率: 62.86%
面積: 1,021.47ヘクタール 残り面積: 268.11ヘクタール
www.idico.clm.vn



ミスアン B1-ダイズオン工業団地

稼働率: 45.68%
面積: 145.7ヘクタール
残り面積: 50.19ヘクタール
www.daiduongcompany.com.vn

多分野のプロジェクト、クリーン工業、ハイテク、工場の建設と倉庫、サービスなどの賃貸

ロジスティクス、物流不動産、倉庫、冷蔵倉庫、輸出入、加工製造業

多分野のプロジェクト、クリーン工業、機械の製造、修理および組立; 農産物および林産物の加工; 食品および飲料の加工; 軽工業; 電子機器および冷蔵機器の組立; 建材およびその他の非汚染産業。

投資手続き実施中ベトナム工業団地リストに記載されている各工業団地

ミースアン B1 - コナック 拡張工業団地

場所: フーミー市
面積: 110ヘクタール
残り面積: 110ヘクタール

ロンソン石油工業団地

場所: ブンタウ市
面積: 850ヘクタール
2030年まで工業団地の土地利用指標の割り当て: 850ヘクタール.

ヴァントウオン工業団地

場所: フーミー市
面積: 400ヘクタール
2030年まで工業団地の土地利用指標の割り当て: 400ヘクタール.

DT-DV HD工業団地

場所: フーミー市
面積: 600ヘクタール
2030年まで工業団地の土地利用指標の割り当て: 450ヘクタール

計画に基づく新しい工業団地

バクチャウドウック1 都市サービス工業団地

場所: チャウドウック県
面積: 1,200ヘクタール
2030年まで工業団地の土地利用指標の割り当て: 450ヘクタール

バクチャウドウック2 都市サービス工業団地

場所: チャウドウック県
面積: 1,000ヘクタール
2030年まで工業団地の土地利用指標の割り当て: 400ヘクタール

バクチャウドウック3 都市サービス工業団地

場所: チャウドウック県
面積: 1,000ヘクタール
2030年まで工業団地の土地利用指標の割り当て: 397.34ヘクタール

フーミー 都市サービス工業団地

場所: フーミータウン
面積: 650ヘクタール
2030年まで工業団地の土地利用指標の割り当て: 455ヘクタール

2030年以降に発展する工業団地・2050年までのビジョン

バクチャウドウック4 都市サービス工業団地

場所: チャウドウック県
面積: 1,200ヘクタール

バクチャウドウック5 都市サービス工業団地

場所: チャウドウック県
面積: 1,000ヘクタール

ナムチャウドウック 都市サービス工業団地

場所: チャウドウック県
面積: 800ヘクタール

QUY HOẠCH CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP ĐẾN NĂM 2030

Theo phương án phát triển các CCN đến năm 2030, toàn tỉnh có 16 CCN, với tổng diện tích quy hoạch khoảng 545,69 ha. Tổng diện tích đất của 11 CCN đã thành lập trên địa bàn tỉnh là 367,62ha. Tỷ lệ lấp đầy đạt khoảng 40,97%.

Các lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư tại các cụm công nghiệp là: Lắp ráp điện tử; công nghiệp hỗ trợ; đồ gỗ nội thất; sản xuất gia công; các thiết bị phụ trợ trong ngành công nghiệp; điện - điện tử; dệt may; da giày; hàng gia dụng và các ngành nghề ứng dụng công nghệ cao; chế biến hải sản; chế biến lương thực, thực phẩm; cơ khí; vật liệu xây dựng.



CÁC CCN ĐÃ THÀNH LẬP, ĐÃ HOẠT ĐỘNG

CCN CBTP LONG PHƯỚC

Vị trí: Xã Long Phước, TP. Bà Rịa
Tỷ lệ lấp đầy: 4,44%
Diện tích: 10,8ha; **DT còn lại:** 4,73ha
Ngành nghề thu hút đầu tư: Chế biến lương thực, thực phẩm; chế biến thịt gia súc, gia cầm; chế biến hải sản tỉnh.

CCN AN NGÃI

Vị trí: Xã An Ngãi, Huyện Long Điền
Tỷ lệ lấp đầy: 46,79%
Diện tích: 37,3ha; **DT còn lại:** 13,52ha
Ngành nghề thu hút đầu tư: Sản xuất phụ kiện, may mặc, giày da, lắp ráp điện tử, vật liệu xây dựng,...

CCN HÒA LONG

Vị trí: TP. Bà Rịa
Diện tích: 50,00ha; **DT đất cho thuê:** 30,00ha
Ngành nghề thu hút đầu tư: Di dời các cơ sở ô nhiễm trong thành phố; chế biến nông sản, sản xuất cơ khí, điện, điện tử.

CCN CBHS BÌNH CHÂU

Vị trí: Xã Bình Châu, Huyện Xuyên Mộc
Diện tích: 21,5ha;
DT đất cho thuê: 12,56ha
Ngành nghề thu hút đầu tư: Chế biến hải sản.

CCN CBHS LỘC AN

Vị trí: Xã Lộc An, Huyện Đất Đỏ
Tỷ lệ lấp đầy: 93,73%
Diện tích: 38,03ha;
DT còn lại: 1,54ha
Ngành nghề thu hút đầu tư: Chế biến hải sản

CCN HẮC DỊCH 1

Vị trí: Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ
Tỷ lệ lấp đầy: 64,39%
Diện tích: 30ha;
DT còn lại: 8,77ha
Ngành nghề thu hút đầu tư: Lắp ráp điện tử, Cơ khí, hàng may mặc.

CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP ĐÃ THÀNH LẬP, ĐANG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT

CCN HỒNG LAM

Vị trí: TP. Bà Rịa
Diện tích: 30ha; **DT đất cho thuê:** 18ha
Ngành nghề thu hút đầu tư: Ngành cơ khí chế tạo; ngành sản xuất sản phẩm trang trí nội thất; dịch vụ logistic; nhận hàng, lưu kho, lưu bãi, đóng gói bao bì, vận chuyển hàng hóa.

CCN PHƯỚC THẮNG

Vị trí: TP. Vũng Tàu
Diện tích: 34,99ha (GĐ1);
DT đất cho thuê: 21ha (GĐ 1: 9,54 ha)
Ngành nghề thu hút đầu tư: Di dời các cơ sở ô nhiễm trong thành phố Vũng Tàu.

CCN TỐC TIÊN

Vị trí: Thị xã Phú Mỹ
Tỷ lệ lấp đầy: 47,48%
Diện tích: 35ha; **DT còn lại:** 13,34ha
Ngành nghề thu hút đầu tư: Lắp ráp điện tử cơ khí chế tạo, sản xuất đồ nội thất cao cấp và các sản phẩm nhựa dân dụng và công nghiệp.

CCN BOOMIN VINA

Vị trí: Thị xã Phú Mỹ
Tỷ lệ lấp đầy: 38,54%
Diện tích: 50ha; **DT còn lại:** 20,73ha
Ngành nghề thu hút đầu tư: Sản xuất chần len, bao bì đựng chần len thảm len, công nghiệp hỗ trợ ngành chần len.

CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP QUY HOẠCH ĐANG KÊU GỌI ĐẦU TƯ

CCN TAM PHƯỚC

Vị trí: Huyện Long Điền
Diện tích: 30,00ha

CCN LONG HƯƠNG 2

Vị trí: Thành phố Bà Rịa
Diện tích: 35,00ha

CCN ĐẤT ĐỎ

Vị trí: Huyện Đất Đỏ
Diện tích: 32,00ha

CCN CHÂU ĐỨC

Vị trí: Huyện Châu Đức
Diện tích: 32,00ha



2030年までの産業クラスター の計画

2030年までの産業クラスターの発展計画によれば、全省には16の産業クラスターがあり、計画面積の総計は約545.69ヘクタールです。省内に設立された11の産業クラスターの総面積は367.62ヘクタールで、稼働率は約40.97%です。

工業団地で優先的に投資を誘致する分野は以下の通りです：電子機器の組み立て、支援産業、家具製造、加工製造、工業用補助機器、電気・電子、繊維、履物、家庭用品、高技術応用産業、海産物加工、食品加工、機械、建材



設立され、稼働中の産業クラスター

ロンフオック食品加工産業クラスター

位置: ロンフオック村、バリア市
稼働率: 4.44%
面積: 10.8ヘクタール; り面積: 4.73ヘクタール
投資誘致業種: 食品加工、畜肉・家禽肉の加工、海産物加工

アンガイ産業クラス

位置: ロンディエン県、アンガイ村
稼働率: 46.79%
面積: 37.3ヘクタール; り面積: 13.52ヘクタール
投資誘致業種: アクセサリー・衣料品・革靴の製造、電子機器の組み立て、建材、など

ホアロン産業クラス

位置: バリア市
面積: 50.00ヘクタール; 賃貸用地面積: 30.00ヘクタール
投資誘致業種: 市内の汚染施設の移転、農産物加工、機械製造、電気、電子

ビンチャウ海産物加工産業クラス

位置: スエンモック県ビンチャウ村
面積: 21.5ヘクタール
賃貸用地面積: 12.56ヘクタール
投資誘致業種: 海産物加工

ロクアン海産物加工産業クラス

位置: ダットドー県ロクアン村
稼働率: 93.73% 面積: 38.03ヘクタール;
り面積: 1.54ヘクタール
投資誘致業種: 海産物加工

ハックジック1産業クラス

位置: ハックジック郡、フーミータウン
稼働率: 64.39%
面積: 30ヘクタール
残り面積: 8.77ヘクタール
投資誘致業種: 電子機器の組み立て、機械工業、衣料品

設立済みでインフラ設備に投資中の各産業クラスター

ホンラム 産業クラスター

位置: バリア市
面積: 30ヘクタール; 賃貸用土地面積: 18ヘクタール
投資誘致業種: 機械製造業、インテリア製品製造業、物流サービス、荷受け、倉庫保管、包装、貨物輸送

フオックタイン 産業クラスター

位置: プンタウ市
面積: 34.99ヘクタール (第1期)
賃貸用土地面積: 21ヘクタール (第1期: 9.54ヘクタール)
投資誘致業種: プンタウ市内の汚染施設の移転

トクティエン 産業クラスター

位置: フーミー市
稼働率: 47.48% 面積: 35ヘクタール; 残り面積: 13.34ヘクタール
投資誘致業種: 電子機器の組み立て、機械製造、高級家具製造、家庭用および工業用プラスチック製品

BOOMIN VINA 産業クラスター

位置: フーミータウン
稼働率: 38.54%
面積: 50ヘクタール; 残り面積: 20.73ヘクタール 投資誘致業種: 毛布の製造、毛布用包装、カーペット製造、毛布産業の支援産業

投資を呼びかけている計画中の工業団地

タムフオック 産業クラスター

位置: ロンディエン県
面積: 30.00ヘクタール

ロンフオン2 産業クラスター

位置: バリア市
面積: 35.00ヘクタール

ダットドー 産業クラスター

位置: ダットドー県
面積: 32.00ヘクタール

チャウドウック 産業クラスター

位置: チャウドウック県
面積: 32.00ヘクタール



CHỦ TRƯỞNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP TỪ NAY ĐẾN NĂM 2030 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

Phát triển công nghiệp xanh, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo gắn với bảo vệ môi trường; kết nối các khu công nghiệp, khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ, khu đô thị - dịch vụ để hình thành các cụm liên kết ngành công nghiệp, các tổ hợp công nghiệp - đô thị - dịch vụ quy mô lớn.



Công nghiệp dầu khí:

Công nghiệp khai thác dầu khí thực hiện theo các quy hoạch sử dụng tài nguyên biển của quốc gia trên địa bàn tỉnh. Công nghiệp hóa dầu Tăng năng lực, đầu tư mới sản xuất sản phẩm hóa dầu, sau hóa dầu, nhất là nhựa nguyên sinh, xơ, sợi để đáp ứng nhu cầu các ngành công nghiệp hóa cao su và nhựa, công nghiệp dệt trên địa bàn tỉnh, vùng Đông Nam Bộ và cả nước, cũng như xuất khẩu.



Công nghiệp hóa chất:

Đẩy mạnh phát triển 3 tiểu ngành công nghiệp hóa dầu, sản xuất hóa chất và sản phẩm, hóa cao su và chất dẻo hướng theo cả chiều sâu và chiều rộng để tạo lập thêm các chuỗi giá trị trong nội cụm ngành và với các ngành, lĩnh vực công nghiệp, kinh tế khác. Những ngành quan trọng của công nghiệp hóa chất gồm: Công nghiệp hóa dược và dược liệu; Công nghiệp hóa cao su và nhựa.



Công nghiệp công nghệ cao, sản phẩm mới:

Phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, sản phẩm mới như: điện - điện tử, sản xuất robot, thiết bị tích hợp vận hành tự động, điều khiển từ xa, internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo; phương tiện vận tải; dược phẩm, chế phẩm sinh học... tại các khu công nghiệp công nghệ cao thuộc trục động lực đường Vành đai 4 thành phố Hồ Chí Minh và cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu.



Công nghiệp cơ khí chế tạo:

Đầu tư sản xuất từ gia công, lắp ráp cho đến thiết kế, chế tạo phù hợp với ngành sản phẩm; đầu tư chiều sâu đổi mới công nghệ, sử dụng công nghệ tiên tiến và thành tựu cách mạng công nghệ 4.0 để phát triển bền vững, nhanh và xanh.

Công nghiệp luyện kim: Phát triển công nghiệp luyện kim bền vững, trên cơ sở cải tiến, đổi mới công nghệ; ứng dụng công nghệ tiên tiến, thành tựu cách mạng công nghệ 4.0.

今から2030年までの産業発展方針及び 2050年までのビジョン

環境保護と結びつけたグリーン産業、クリーンエネルギー、再生可能エネルギーの発展；産業団地、産業-都市-サービス団地、都市-サービス団地を連携させ、大規模な産業クラスターや産業-都市-サービス複合体を形成します



石油産業：

石油ガス採掘産業は県内の国の海洋資源利用計画に従って実施します。石油化学産業は特に原生プラスチック、繊維、糸の生産において能力を向上させ、新たな投資を行い、県内、東南部地域および全国のゴムおよびプラスチック化学産業、繊維産業の需要及び輸出に応えます。



ハイテク産業、新製品：

ホーチミン市の環状道路4号線沿いおよびビエンホア-ブンタウ高速道路沿いのハイテク工業団地においてハイテク産業、新製品として、電気・電子、ロボット製造、自動運転統合機器、リモートコントロール、モノのインターネット（IOT）、人工知能、輸送手段、医薬品、生物製剤などの分野を発展させます。



化学産業：

産業クラスター内および他の産業・経済分野とのバリューチェーンをさらに構築するために、石油化学産業、化学製品の製造、ゴムおよびプラスチック化学の3つのサブセクターの発展を広範かつ深く強化します。化学産業の重要な分野には医薬品および薬草の化学産業、ゴムおよびプラスチックの化学産業が含まれます

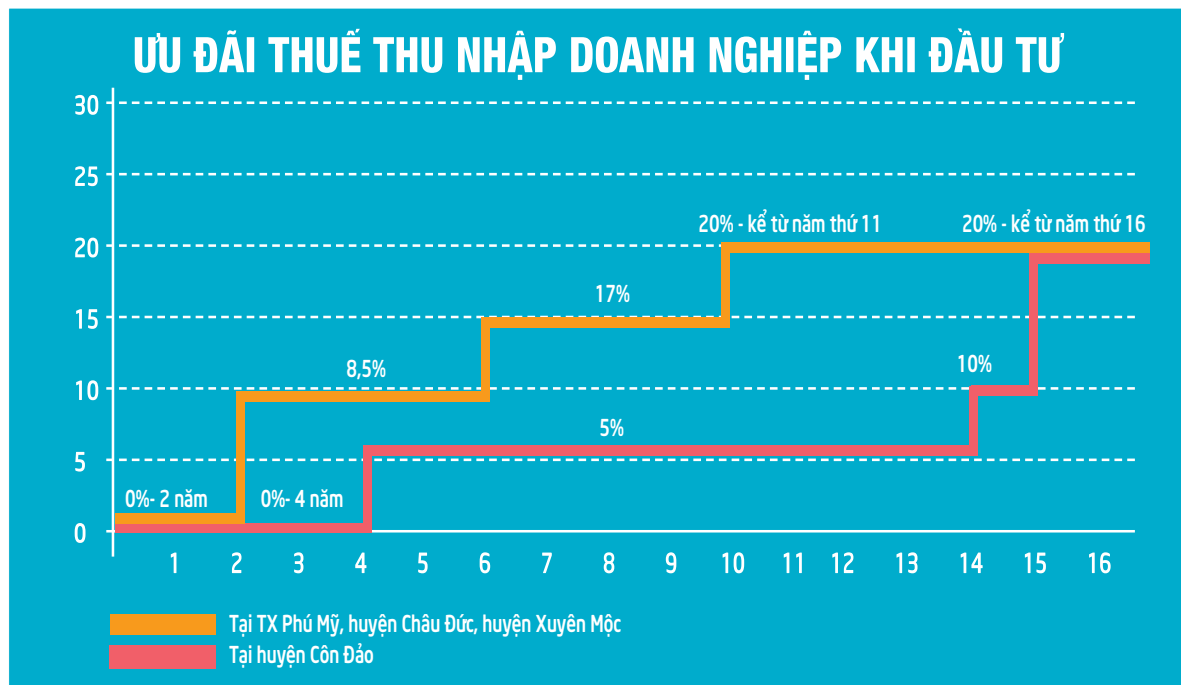


機械製造産業：

製品分野に適した設計、製造から加工、組立までの生産に投資し、技術革新を深め、先進技術と第4次産業革命の成果を活用して、持続可能で迅速かつ環境に優しい発展を目指します。

冶金産業：技術革新と改善に基づき、先進技術と第4次産業革命の成果を応用して、持続可能な冶金産業を発展させます

THÔNG TIN ƯU ĐÃI



THAM KHẢO THÔNG TIN CHI TIẾT:

- Luật Đầu tư 2020, Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021;
- Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015; Nghị định 57/2021/NĐ-CP ngày 04/6/2021;
- Nghị định 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015; Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018

CÁC ƯU ĐÃI KHÁC



Ưu đãi theo
ngành nghề đầu tư



Ưu đãi về
thuế xuất nhập khẩu

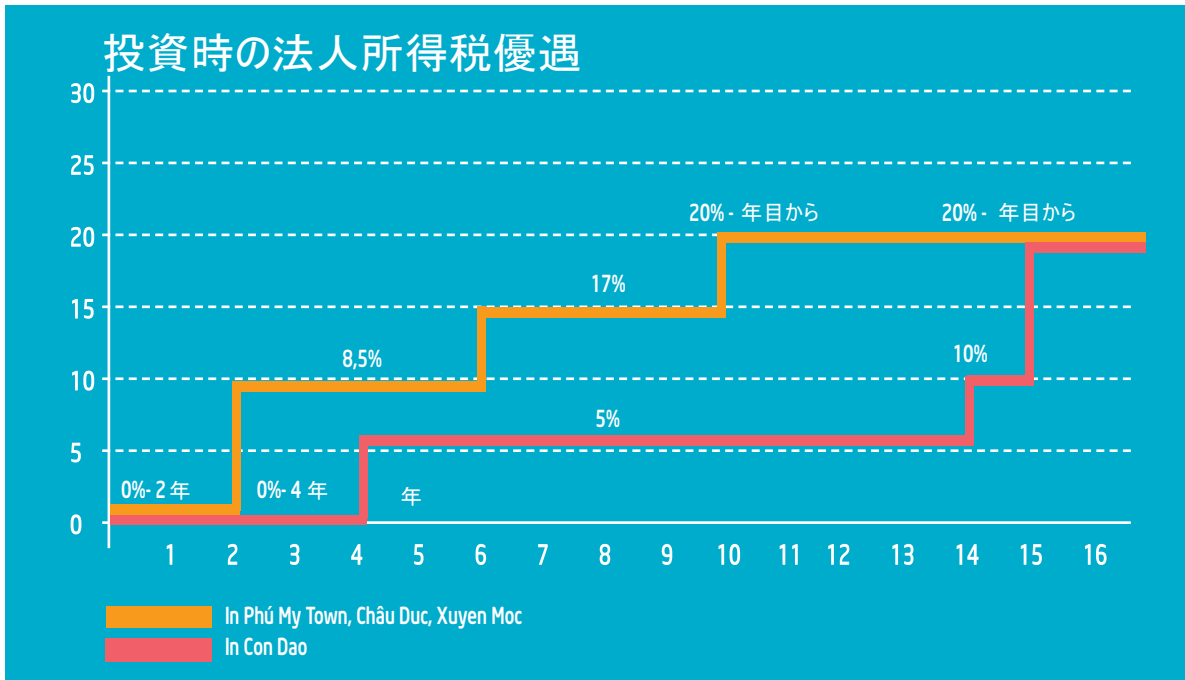


Ưu đãi về
thuế giá trị gia tăng



Các hỗ trợ của địa phương
về thủ tục hành chính, đào
tạo nguồn nhân lực, nâng
cao năng suất chất lượng....

優遇情報



詳細情報の参考:

- 2020年投資法, 2021年3月26日付け31/2021/NĐ-CP政令;
- 2015年6月22日付け96/2015/TT-BTC通達; 2021年6月4日付け57/2021/NĐ-CPN政令
- 2015年11月3日付け111/2015/NĐ-CP政令; 2018年4月17日付け57/2018/NĐ-CP政令

その他の優遇



投資分野による優遇



輸出入税の優遇



付加価値税の優遇



行政手続き、人材育成、
生産性向上などに関する
地方の支援

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

Trung tâm Hành chính - Chính trị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
01 Phạm Văn Đồng, Phường Phước Trung, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
www.baria-vungtau.gov.vn

バリア・ブントウ省人民委員会

バリア・ブントウ省行政・政治センター
バリア・ブントウ省, バリア市、フオック・チュン区, ファム・ヴァン・ドン01
www.baria-vungtau.gov.vn

CHI TIẾT XIN LIÊN HỆ

詳細についてはお問い合わせください

SỞ CÔNG THƯƠNG

ĐC: Trung tâm hành chính - Chính trị
tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
01 Phạm Văn Đồng, Phường Phước Trung, TP. Bà Rịa
Điện thoại: +84 (254) .3 533 418
Email: soct@baria-vungtau.gov.vn
Website: <http://soct.baria-vungtau.gov.vn>

商工局

住所: バリア・ブントウ省行政・政治センターバリア
市, フオック・チュン区, 01ファム・ヴァン・ドン
電話番号: +84 (254) .3 533 418
Eメール: SOCT@BARIA-VUNGTAU.GOV.VN
サイト: [HTTP://SOCT.BARIA-VUNGTAU.GOV.VN](http://SOCT.BARIA-VUNGTAU.GOV.VN)

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

ĐC: Trung tâm hành chính - Chính trị
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
198 Bạch Đằng, Phường Phước Trung, TP. Bà Rịa
Điện thoại: +84 (254) 3816 640
Fax: +84 (254) 3858 531
Email: bqlkc@baria-vungtau.gov.vn
Website: <http://banqlkc.baria-vungtau.gov.vn>

工業団地管理委員会

住所: バリア・ブントウ省行政・政治センター
バリア市, フオック・チュン区、198バック・ダン
電話番号: +84 (254) 3816 640
ファックス: +84 (254) 3858 531
Eメール: BQLKCN@BARIA-VUNGTAU.GOV.VN
サイト: [HTTP://BANQLKCN.BARIA-VUNGTAU.GOV.VN](http://BANQLKCN.BARIA-VUNGTAU.GOV.VN)

SỞ KẾ HOẠCH & ĐẦU TƯ

ĐC: Trung tâm hành chính - Chính trị
tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
198 Bạch Đằng, Phường Phước Trung, TP. Bà Rịa
Điện thoại: +84 (254) 3852 401
Fax: +84 (254) 3859 080
Email: info@sokhdt.baria-vungtau.gov.vn
Website: <http://sokhdt.baria-vungtau.gov.vn>

計画投資局

住所: バリア・ブントウ省行政・政治センター
バリア市, フオック・チュン区、198バック・ダン
電話番号: +84 (254) 3852 401
ファックス: +84 (254) 3859 080
Eメール: INFO@SOKHDT.BARIA-VUNGTAU.GOV.VN
WEBSITE: [HTTP://SOKHDT.BARIA-VUNGTAU.GOV.VN](http://SOKHDT.BARIA-VUNGTAU.GOV.VN)

